

NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Kỹ thuật ô tô trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 685/QĐ-KĐCLGDTL ngày 18/10/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật ô tô trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 16 ngày 08/11/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật ô tô trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật ô tô trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật ô tô trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 45/50 tiêu chí (chiếm 90%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Nha Trang cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Kỹ thuật ô tô trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Kỹ thuật ô tô trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Nha Trang;
- Website của Trung tâm;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KỸ THUẬT Ô TÔ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐKĐCLGD ngày 13/11/2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	3	Tiêu chí 7.3	4						
		Tiêu chí 7.4	4						
Tiêu chuẩn 2		4,00	3	100	Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chí 8.2	4						
		Tiêu chí 8.3	4						
		Tiêu chí 8.4	4						
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chuẩn 9		3,80	4	80,00
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 3.3	4	Tiêu chí 9.2	3						
		Tiêu chí 9.3	4						
		Tiêu chí 9.4	4						
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chuẩn 10		4,00	6	100
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 10.2	4						
		Tiêu chí 10.3	4						
		Tiêu chí 10.4	4						
		Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80,00	Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chuẩn 11		3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 11.4	3						
Tiêu chuẩn 6		4,00	7	100	Tiêu chí 11.5	4			
Tiêu chí 6.1	4								
Tiêu chí 6.2	4								
Tiêu chí 6.3	4								
Tiêu chí 6.4	4								
Tiêu chí 6.5	4								
Tiêu chí 6.6	4								
Tiêu chí 6.7	4								

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,92	45	90,00

Phụ lục II
KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KỸ THUẬT Ô TÔ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐKĐCLGD ngày 13/11/2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Kỹ thuật ô tô (KTOT) trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang, giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy có những điểm mạnh nổi bật cần tiếp tục phát huy, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tâm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được; được rà soát và điều chỉnh, đối sánh với Khung trình độ quốc gia, với các trường đại học trong và ngoài nước; được phổ biến đến các bên liên quan qua website của Khoa, sổ tay sinh viên, trang thông tin tuyển sinh.

2. Bản mô tả CTĐT CTĐT cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT, được rà soát và có lấy ý kiến của các chuyên gia, giảng viên, doanh nghiệp. Đề cương các học phần được rà soát và cập nhật thông tin, được công bố công khai trên website, phổ biến thông qua các tài liệu quảng bá về CTĐT. Đề cương chi tiết học phần được cập nhật nội dung, được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, sử dụng phương pháp giảng dạy và các phương pháp đánh giá khác nhau. Ma trận kỹ năng thể hiện mức độ đóng góp của học phần vào đạt chuẩn đầu ra ở 3 cấp độ I, R, M. Chương trình dạy học được bố trí hợp lý, đảm bảo tính kế thừa và tích lũy kiến thức đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và đặc biệt, có tích hợp giữa lý thuyết với ứng dụng và rèn luyện chuyên môn. Chương trình dạy học được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu, tham khảo các CTĐT ngành KTOT của một số trường đại học trong nước.

4. Nhà trường ban hành Triết lý giáo dục và đã sử dụng nhiều phương thức để truyền tải Triết lý giáo dục tới các cán bộ, giảng viên và người học. Cán bộ, giảng viên, người học hiểu và thực hiện. Các đề cương chi tiết học phần đã xác định rõ phương pháp giảng dạy của từng học phần để sinh viên đạt được những kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Giảng viên sử dụng phương pháp giảng dạy khá phù hợp với CTĐT KTOT như: Thuyết trình, vấn - đáp, nghiên cứu tài liệu, thảo luận, thực hành. Các học phần đã có nội dung rèn luyện sinh viên có khả năng học tập suốt đời (đọc tài liệu, làm báo cáo, đồ án...).

5. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được xác định rõ ràng, bao gồm: thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi kết quả học tập; các tiêu chí đánh giá kết quả học tập, kiểm tra, thi học phần

và đánh giá kết quả học tập tại các học phần. Các quy định về đánh giá học phần, thang điểm và chấm điểm, đáp án đều được công bố rộng rãi và trình bày cho người học, giảng viên bao gồm cả bản in và bản mềm trên website của Trường; thông báo công khai cho người học qua bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần các quy định về kiểm tra đánh giá qua nhiều hình thức khác nhau. Các đề cương học phần đều quy định các hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số. Nhà trường đã ban hành quy định kiểm soát và xử lý hành vi đạo văn các sản phẩm học thuật. Các quy định, quy trình về phúc khảo được phổ biến cho người học bằng nhiều hình thức.

6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên thực hiện CTĐT được quy hoạch, phát triển dựa trên chiến lược phát triển Trường trong các giai đoạn, đề án vị trí việc làm, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Tỷ lệ người học/giảng viên trong các năm học đảm bảo đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm và điều chuyển được thực hiện theo các quy định của Trường, phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định, đánh giá theo các quy định của Trường. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được xác định theo định hướng phát triển của Trường, của Khoa và nhu cầu phát triển của cá nhân giảng viên, nghiên cứu viên. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được xây dựng, triển khai thực hiện. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng của giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát, đánh giá. Việc quản trị theo kết quả công việc được Khoa thực hiện, đánh giá theo kế hoạch công tác năm học. Các loại hình, số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được quy định cụ thể, rõ ràng. Kết quả đánh giá về số lượng, chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được giám sát từ Bộ môn, Khoa và các phòng ban liên quan.

7. Đội ngũ nhân viên của Trường và Khoa được phát triển theo chiến lược phát triển Nhà trường trong từng giai đoạn. Chính sách tuyển dụng phù hợp; đảm bảo nhân viên về số lượng và chất lượng để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Quy định về công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên với các tiêu chí rõ ràng, được cập nhật hằng năm được phổ biến rộng rãi trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa. Quy trình, công cụ, tiêu chí và các biểu mẫu về đánh giá, xếp loại năng lực đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng được phân tích làm cơ sở lập các kế hoạch và triển khai việc đào tạo bồi dưỡng hằng năm. Trong 5 năm, Trường đã đầu tư nhiều kinh phí cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, đáp ứng tốt hơn cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của đội ngũ nhân viên được xác định, được giám sát dựa trên kết quả công việc.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh được xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh hằng năm của trường và được công khai dưới nhiều hình thức. Các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học rõ ràng và được rà soát, đánh giá hằng năm. Trường phân công trách nhiệm giám sát sự tiến bộ của người học rõ ràng; Hoạt động giám sát sự tiến bộ của người học cơ bản đầy đủ, rõ ràng, có các

đơn vị tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, tư vấn việc làm cho người học. Môi trường tâm lý, văn hoá, học tập thân thiện, tạo không khí thoải mái cho người học. Khuôn viên của Trường rộng rãi với nhiều cây xanh, cây cảnh, đường hoa, môi trường sư phạm sạch sẽ; “Không gian học tập mở” đẹp, đủ tiện nghi đáp ứng nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của người học. Việc kiểm tra các điều kiện an toàn được thực hiện thường xuyên.

9. Trường có đủ hệ thống phòng học, phòng làm việc, hội trường và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Thư viện rộng rãi có các quy định, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ, khai thác tài nguyên thư viện; có phần mềm quản lý, theo dõi hoạt động thư viện hiện đại (KIPOS). Tài liệu, học liệu (bản in và điện tử) được cập nhật, cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của CTĐT. Hệ thống phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị và vật liệu đáp ứng với giảng dạy và thực hành cho sinh viên. Hệ thống công nghệ thông tin như máy tính, hạ tầng và các phần mềm hỗ trợ có bản quyền, đầy đủ, được duy tu, bảo dưỡng và đầu tư nâng cấp hằng năm phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác lập dựa trên các quy định hiện hành; được quản lý, triển khai thực hiện bởi Trung tâm Phục vụ Trường học và giám sát thông qua các Tổ kiểm tra vệ sinh môi trường, Tổ kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm.

10. Hệ thống thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT được thiết lập. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để thiết kế/phát triển CTDH. Quy trình thiết kế, phát triển CTĐT được thiết lập rà soát và cải tiến trong chu kỳ đánh giá. Hoạt động rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra được quy định cụ thể, rõ ràng. Giảng viên của Khoa/Bộ môn tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và có các nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và cụ thể từng đối tượng của Nhà trường và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các bên liên quan.

11. Cơ sở dữ liệu người học được thiết lập, được vận hành, quản lý bằng phần mềm Quản lý đào tạo. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn, tỷ lệ thôi học được theo dõi, giám sát, đánh giá. Nguyên nhân của các trường hợp chậm tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học được phân tích, xác định các giải pháp cải tiến chất lượng. Trường đã xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu và tình hình việc làm của sinh viên các CTĐT sau 01 năm tốt nghiệp. Dữ liệu tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp được cập nhật. Quy định hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được ban hành, trong đó có xác định nội dung và hình thức nghiên cứu khoa học. Mức độ hài lòng của người học về các lĩnh vực đào tạo, cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ được khảo sát, đánh giá.

II. KIẾN NGHỊ

Để khắc phục những tồn tại của chương trình đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Trường Đại học Nha Trang cần cải tiến chất lượng theo các nhóm giải pháp sau đây:

1. Thiết kế phiếu khảo sát bám sát với nội dung mục tiêu CTĐT để đảm bảo thu thập được các thông tin mang tính đại diện cao và bao phủ được toàn diện về mức độ phù hợp của mục tiêu CTĐT theo từng giai đoạn; khảo sát đa dạng hơn các bên liên quan, các doanh nghiệp tại Nha Trang và khu vực lân cận về mục tiêu CTĐT để đảm bảo việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật phù hợp hơn nữa với Sứ mạng của Nhà trường; rà soát chuẩn đầu ra, đảm bảo tương thích cao với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT; xây dựng các công cụ hữu hiệu để đo lường mức độ đạt được của chuẩn đầu ra; thực hiện rà soát điều chỉnh chuẩn đầu ra theo định kỳ 2 năm 1 lần; gắn các phiên bản CTĐT với các phiên bản chuẩn đầu ra cụ thể; nâng cao hiệu quả của hoạt động phổ biến chuẩn đầu ra đến sinh viên, giúp sinh viên hiểu và có phương pháp học tập phù hợp.

2. Rà soát quy trình ban hành CTĐT, Bản mô tả CTĐT, chương trình dạy học phù hợp với Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT; rà soát cập nhật đề cương học phần và theo định kỳ 2 năm 1 lần tương thích với Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT; rà soát, điều chỉnh tương thích ma trận giữa chuẩn đầu ra CTĐT và chuẩn đầu ra học phần; bổ sung thông tin hoạt động tự học trong đề cương học phần; bổ sung các thông tin hỗ trợ người học; cập nhật học liệu; rà soát các phương pháp kiểm tra đánh giá trong đề cương học phần; đa dạng các hình thức công khai; khảo sát về khả năng tiếp cận, mức độ sử dụng để tăng hiệu quả của thông tin về CTĐT và đề cương học phần.

3. Quy định cụ thể việc đánh giá sự phù hợp của các phương pháp giảng dạy, phương pháp học, phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần để đảm bảo việc đo lường mức độ đóng góp vào việc đạt chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT; thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần để có căn cứ đánh giá sự phù hợp của các phương pháp đối với từng học phần; rà soát lại chuẩn đầu ra của các học phần đảm bảo kết nối chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn đầu ra của học phần; thiết kế ma trận chuẩn đầu ra các học phần đảm bảo đạt được về mức độ kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ tự và trách nhiệm; xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đạt chuẩn đầu ra; khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá các học phần; rà soát ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá của các học phần với chuẩn đầu ra của học phần; điều chỉnh đề cương học phần theo hướng tăng cường cung cấp kỹ năng nghề nghiệp, các kỹ năng mềm bằng cách tích hợp giảng dạy các kỹ năng đó trong các học phần chuyên ngành.

4. Xây dựng kế hoạch phổ biến hiệu quả Triết lý giáo dục của Nhà trường đến các bên liên quan, đặc biệt là giảng viên và sinh viên; xây dựng tài liệu hướng dẫn phương pháp, cách thức, mục tiêu chuyển tải Triết lý giáo dục vào các hoạt

động của CTĐT; đa dạng hóa các phương pháp dạy học, hướng dẫn người học hiểu và chủ động lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được chuẩn đầu ra; thực hiện lấy ý kiến các bên liên quan để đánh giá, hoàn thiện các phương pháp dạy và học cho phù hợp với từng học phần trong CTĐT; tăng cường tính thực tế trong giảng dạy các học phần và mời thêm doanh nghiệp nói chuyện chuyên đề để tăng tính thực tiễn cho người học. Nhà trường cần tổng kết, tập huấn phương pháp giảng dạy học, bổ sung các hướng dẫn cách học, tự nghiên cứu, các hoạt động trải nghiệm giúp sinh viên có khả năng học tập suốt đời.

5. Rà soát các văn bản quy định và hướng dẫn về việc ra đề thi và chấm thi; bổ sung quy định về xây dựng, quản lý, sử dụng ngân hàng câu hỏi thi/đề thi; ban hành văn bản hướng dẫn và triển khai đánh giá độ giá trị, độ tin cậy của phương pháp kiểm tra đánh giá trong việc đo lường mức độ người học đạt được chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT; triển khai xây dựng các rubrics kiểm tra đánh giá trong đề cương học phần đảm bảo độ chính xác và đo lường được chuẩn đầu ra học phần; quy định việc thông báo điểm kiểm tra/thi giữa kỳ sớm hơn để người học có đủ thời gian cải thiện kết quả học tập; đánh giá mức độ phù hợp của các phương thức phản hồi kết quả học tập tới người học để có cơ sở khoa học cho việc cải tiến, nâng cao chất lượng; tiếp tục hoàn thiện Quy trình khảo thí quy định về quy trình thi, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học trong đó phân định rõ trách nhiệm của người chấm thi khi có sự chênh lệch điểm trước và sau khi khiếu nại để đảm bảo quyền lợi cho người học.

6. Rà soát chính sách phát triển, chính sách thu hút, đãi ngộ, giảng viên, nghiên cứu viên để thu hút được giảng viên, nghiên cứu viên có chức danh khoa học và có trình độ tiến sĩ; tuyển dụng sinh viên xuất sắc làm trợ giảng, tạo nguồn cho đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Khoa; điều chỉnh quy định về khối lượng công việc của giảng viên, nghiên cứu viên tạo động lực cho nghiên cứu khoa học, xác định khối lượng phục vụ cộng đồng tối thiểu cho từng chức danh, học vị tương tự như giờ giảng dạy và nghiên cứu khoa học; rà soát, điều chỉnh tiêu chí tuyển dụng để có thể tuyển chọn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc làm trợ giảng, cử đi đào tạo ở nước ngoài, trở về làm giảng viên, nghiên cứu viên cho Khoa; xây dựng, ban hành bộ chỉ số đánh giá năng lực, đánh giá kết quả thực hiện của giảng viên, nghiên cứu viên làm cơ sở đánh giá đầy đủ năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; khảo sát lấy ý kiến giảng viên, nghiên cứu viên về nội dung, chất lượng, thời gian của các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức đánh giá hiệu quả nâng cao; đa dạng hoá loại hình nghiên cứu khoa học, triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực thiết kế, phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp dạy và học và phương pháp kiểm tra đánh giá; thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nâng cao số lượng đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ/tỉnh.

7. Tăng cường số lượng và chất lượng các khảo sát về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên và sử dụng kết quả khảo sát để phân tích dự báo, tuyển dụng, đánh giá năng lực, thi đua - khen thưởng, đào tạo bồi dưỡng; nghiên cứu để có chính sách và hình thức truyền thông tốt hơn nữa để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; cần có thêm các tiêu chí định lượng để đo lường chính xác, công bằng

hơn năng lực của từng vị trí nhân viên; phân tích, đánh giá hiệu quả về đào tạo, bồi dưỡng để cải thiện, nâng cao hiệu quả cũng như chất lượng đội ngũ nhân viên; cần có các khảo sát định kỳ về mức độ hài lòng của nhân viên đối với công tác quản lý, đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng hàng năm dựa trên kết quả công việc.

8. Xây dựng giải pháp nâng cao chất lượng công tác quảng bá tuyển sinh, các hoạt động hướng nghiệp và tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông của các tỉnh ngoài tỉnh Khánh Hoà, thúc đẩy sự tham gia chủ động của các khoa chuyên môn trong các hoạt động tư vấn tuyển sinh; tổ chức thu thập sự góp ý của các bên liên quan ngoài trường về công tác tuyển sinh; xác định các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học riêng cho ngành KTOT nhằm phát huy được thế mạnh của ngành; triển khai thực hiện chỉnh sửa, bổ sung sớm các văn bản được ban hành đã lâu, chưa được Nhà trường thực hiện chỉnh sửa, bổ sung; tăng cường ứng dụng các phần mềm công nghệ thông tin cho cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học để kịp thời có giải pháp giúp người học cải thiện kết quả học tập; xây dựng Kế hoạch cải tiến công tác cố vấn học tập cụ thể sau mỗi Hội nghị tổng kết công tác cố vấn học tập nhằm nâng cao hiệu quả cho hoạt động tư vấn học tập, ngoại khoá, thi đua; tổ chức Hội nghị/Hội thảo phân tích, đánh giá tính hiệu quả các hoạt động tư vấn việc làm cho người học; ký kết các hợp đồng dịch vụ tập trung để thuận lợi cho công tác kiểm tra, giám sát; cần có giải pháp/cơ chế nâng cao hiệu quả xử lý theo kết luận của các Tổ kiểm tra.

9. Lập kế hoạch rà soát thiết bị tại một số giảng đường cũ để có kế hoạch nâng cấp, sửa chữa và cải thiện tốc độ đường truyền internet; khảo sát ý kiến của giảng viên ngành KTOT về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng chức năng, phòng làm việc của giảng viên, phòng học và hội trường; rà soát toàn bộ phần tài liệu trong đề cương học phần để có kế hoạch viết, mua bổ sung, cập nhật nguồn học liệu đảm bảo cho sinh viên có đủ và cập nhật phục vụ học tập và nghiên cứu khoa học đảm bảo theo hướng dẫn tại Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT ngày 06/12/2021 về quy định biên soạn, lựa chọn thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học; rà soát, đánh giá nhu cầu cần thiết của các thiết bị hỗ trợ cho nghiên cứu chuyên sâu ngành KTOT để có kế hoạch nâng cấp, đầu tư phục vụ tốt cho hoạt động NCKH của ngành đào tạo đáp ứng với Sứ mạng và Tầm nhìn đã đặt ra; có kế hoạch cải tạo một số lối đi vào giảng đường, nhà làm việc cũ đảm bảo với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

10. Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học cùng chuyên ngành ở ngoài cơ sở giáo dục khi xây dựng/rà soát CTĐT; ban hành quy định về rà soát, đánh giá các quy trình thiết kế, phát triển CTĐT và quy định về rà soát hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá; thực hiện hoạt động dự giảng, bình giảng thường xuyên hơn làm cơ sở đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên; xem xét cải tiến phiếu đánh giá giảng dạy cho phù hợp hơn; có chính sách khuyến khích giảng viên nghiên cứu về phát triển chương trình dạy học, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; lấy ý kiến giảng viên đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường như Thư viện, công nghệ thông tin, Trạm y tế...; ban hành quyết định thành lập, quy chế hoạt động của các tổ Đảm bảo chất lượng bên trong

của các Khoa/Viện để nâng cao chất lượng thực hiện hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Trường.

11. Quan tâm thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục trong nước và khu vực có CTĐT tiên tiến tương ứng về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học; trên cơ sở đó xây dựng báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học tham gia CTĐT và đề xuất các biện pháp cải tiến phù hợp; khảo sát ý kiến phản hồi từ người học và cựu người học về tính hiệu quả của các giải pháp hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đúng thời gian quy định để có cơ sở tiếp tục điều chỉnh, đề xuất các giải pháp phù hợp giúp người học thực hiện hiệu quả khả năng tốt nghiệp đúng thời hạn học tập; xây dựng tiêu chí, quy trình lựa chọn các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước có cùng CTĐT để mở rộng đối tượng đối sánh, trong đó có hoạt động đối sánh tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm cùng CTĐT, kết quả đối sánh là cơ sở quan trọng để Khoa và Bộ môn tham khảo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đảm bảo việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp CTĐT; thực hiện hoạt động đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học cùng CTĐT của cơ sở giáo dục với các trường đại học trong nước để tham khảo cho việc đề xuất các giải pháp phù hợp tăng cường số lượng, loại hình nghiên cứu khoa học của người học, góp phần nâng cao chất lượng của CTĐT. Hằng năm, trên cơ sở dữ liệu của hoạt động đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ, Nhà trường và Khoa cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng các lĩnh vực này, từng bước góp phần nâng cao chất lượng của CTĐT.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long với 11 nhóm giải pháp, Trường Đại học Nha Trang cần nghiên cứu kỹ các nhóm giải pháp này cùng với Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Kỹ thuật ô tô, trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Trường Đại học Nha Trang cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.